

## **NGHIÊN CỨU VỀ CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ**

### **NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT KHUNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SAU KHI BAN HÀNH**

**ThS. Phạm Quỳnh Anh<sup>1</sup>, ThS. Nguyễn Thị Hà**  
Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ, Bộ KH&CN

---

#### **Tóm tắt:**

*Hệ thống các văn bản pháp luật về khoa học và công nghệ (KH&CN) ở Việt Nam ngày càng được hoàn thiện. Đồng thời với việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật KH&CN, Nhà nước đã ban hành một số đạo luật chuyên ngành hẹp điều chỉnh một hay một số vấn đề của hoạt động KH&CN. Đây là hành lang pháp lý cho hoạt động KH&CN ở Việt Nam. Trên thực tế, nhiều chính sách KH&CN đã có hiệu lực thi hành, song câu hỏi liệu chính sách có đạt được mục tiêu đề ra? Có ảnh hưởng ra sao đối với tổ chức/cá nhân hoạt động trong lĩnh vực KH&CN, đối với sự phát triển KH&CN, kinh tế - xã hội cũng như các lĩnh vực khác?... vẫn chưa có câu trả lời, vì công tác đánh giá chính sách cũng như tác động chính sách KH&CN chưa được quan tâm trong thực tiễn Việt Nam. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả đưa ra khái niệm, vai trò của công tác đánh giá tác động chính sách KH&CN trong công tác quản lý, những thuận lợi và khó khăn trong công tác đánh giá tác động chính sách KH&CN ở Việt Nam, qua đó, đề xuất khung đánh giá tác động chính sách KH&CN sau khi ban hành.*

**Từ khóa:** Văn bản quy phạm pháp luật; Chính sách KH&CN; Đánh giá chính sách.

**Mã số:** 16051001

#### **1. Sự cần thiết đánh giá tác động chính sách khoa học và công nghệ sau khi ban hành**

Đánh giá tác động chính sách KH&CN sau khi ban hành là rà soát, xem xét các tác động do việc thực thi chính sách sau khi ban hành đã tạo ra, cung cấp các bằng chứng (về hiệu quả của chính sách, những ảnh hưởng tích cực/tiêu cực, mong muốn/ngoài mong muốn của chính sách đối với KH&CN, đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đối với đối tượng hưởng thụ chính sách, các lĩnh vực khác...), qua đó, cơ quan chức năng có cơ sở khoa học để giải trình, chỉnh sửa, hoàn thiện hoặc bãi bỏ chính sách trong trường hợp cần thiết, giúp nâng cao hiệu quả chính sách cũng như hiệu quả của công tác quản lý.

---

<sup>1</sup> Liên hệ tác giả: pqanh1609@gmail.com

Chính sách KH&CN sau khi ban hành không được đánh giá hay chỉ được đánh giá theo cách không chính thống, theo cảm tính sẽ có thể dẫn đến một số trường hợp chính sách không hiệu quả vẫn được triển khai, không được điều chỉnh kịp thời, gây lãng phí hoặc trong trường hợp chính sách thực sự có hiệu quả, mang lại tác động tích cực nhưng lại không có cơ sở để khẳng định.

Tuy nhiên, nếu đánh giá tác động của tất cả các chính sách sau khi ban hành sẽ phải đối mặt với đòi hỏi quá mức về các nguồn tài nguyên hoặc phải dàn trải nguồn lực để đánh giá. Do vậy, để công tác đánh giá được hiệu quả, cần xác định mức độ ưu tiên cho các chính sách cần được đánh giá sau khi ban hành và áp dụng một khung đánh giá thống nhất.

## **2. Những thuận lợi, khó khăn trong đánh giá tác động của chính sách khoa học và công nghệ sau khi ban hành ở Việt Nam**

Về thuận lợi, hệ thống các văn bản pháp luật về KH&CN ở Việt Nam ngày càng được hoàn thiện. Đồng thời với việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật KH&CN năm 2000, Nhà nước còn ban hành một số đạo luật chuyên ngành hẹp điều chỉnh một hay một số vấn đề của hoạt động KH&CN như Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, Luật Công nghệ cao năm 2008, Luật Đo lường năm 2011,... Năm 2013, Luật KH&CN sửa đổi được ban hành. Đây là hành lang pháp lý cho hoạt động KH&CN ở Việt Nam.

Chính sách có đạt được mục tiêu đề ra hay không phụ thuộc vào tính đúng đắn, sự phù hợp và tính khả thi của chính sách. Trên thực tế, việc xác định nhiệm vụ KH&CN chưa hoàn toàn xuất phát từ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội<sup>2</sup>. Đây là một trong những khó khăn khi đánh giá tác động của chính sách KH&CN đến sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt đối với chính sách có mục tiêu định tính, không rõ ràng.

Hiệu quả triển khai chính sách cũng là yếu tố rất quan trọng để chính sách đi đúng mục tiêu và kế hoạch đề ra. Trên thực tế, việc triển khai, thực thi chính sách KH&CN ở Việt Nam còn có nhiều bất cập. Các văn bản hướng dẫn thực thi chính sách mới thường không đầy đủ, đồng bộ, đôi khi còn mâu thuẫn, gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện. Công tác tập huấn, hướng dẫn triển khai chính sách KH&CN chưa được chú trọng, dẫn đến việc triển khai chính sách KH&CN chưa đồng nhất từ trung ương đến địa phương. Việc phối hợp triển khai chính sách giữa các đơn vị chức năng chưa chặt chẽ. Hơn nữa, Việt Nam chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả triển khai chính

---

<sup>2</sup> Trích trong *Báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội*, dự án Luật KH&CN sửa đổi, trang 7.

sách nên không có cơ sở để phát hiện và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc, bất hợp lý, dẫn đến hạn chế đạt được mục tiêu của chính sách, gây khó khăn trong đánh giá tác động của chính sách.

Hiện nay, chưa có cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá KH&CN nói chung. Nguồn thông tin dữ liệu hiện có là không đầy đủ, thiếu đồng nhất. Việc thu thập, bổ sung thông tin gặp nhiều khó khăn do không có quy định cho công tác đánh giá nên không có chế tài xử lý đối với trường hợp không cung cấp thông tin được yêu cầu. Việc thiếu thông tin, dữ liệu là không thể tránh khỏi. Đây là khó khăn đối với công tác đánh giá nói chung và đánh giá tác động chính sách KH&CN nói riêng.

Theo Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/3/2009 hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03/6/2008 quy định về đánh giá văn bản sau khi thi hành, cụ thể, sau ba năm, kể từ ngày luật, pháp lệnh, nghị định có hiệu lực, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh giá tác động của văn bản trong thực tiễn. Tuy nhiên, quy định đánh giá tác động văn bản (luật, pháp lệnh, nghị định) sau khi ban hành mới chỉ dừng lại ở nghị định, chưa có thông tư hướng dẫn thực hiện nên các cơ quan chức năng không đưa công tác đánh giá tác động chính sách sau khi ban hành vào chương trình hoạt động của đơn vị. Do vậy, các nguồn lực (nhân lực, tài lực,...) phục vụ cho công tác đánh giá không được bố trí. Về nguyên tắc, để đánh giá cần phải có khung đánh giá bao gồm quy trình, phương pháp, tiêu chí/chỉ số và áp dụng khung trên toàn hệ thống. Song cho đến nay, Việt Nam chưa có khung đánh giá tác động chính sách KH&CN sau khi ban hành. Như vậy, việc đánh giá tác động chính sách KH&CN sau khi ban hành ở Việt Nam là không bắt buộc, chưa thành hệ thống, thiếu sự chủ trì của cơ quan chức năng nên kết quả đánh giá không thể đem lại hiệu quả cho cơ quan ban hành và thực thi chính sách.

Để nâng cao hiệu quả công tác hoạch định và thực thi chính sách, Việt Nam cần xây dựng một khung đánh giá tác động chính sách KH&CN sau khi ban hành. Kết quả đánh giá sẽ cho biết mức độ chính sách đạt được mục tiêu, ảnh hưởng của chính sách đối với tổ chức/cá nhân hoạt động trong lĩnh vực KH&CN, đối với sự phát triển KH&CN, kinh tế - xã hội cũng như các lĩnh vực khác. Qua đó nhà quản lý, hoạch định chính sách có cơ sở để đưa ra những quyết định đúng đắn, giúp nâng cao hiệu quả chính sách cũng như hiệu quả của công tác quản lý.

### **3. Đề xuất khung đánh giá tác động chính sách khoa học và công nghệ sau khi ban hành**

#### **3.1. Quy trình đánh giá**

### ***Giai đoạn 1: Lập kế hoạch cho hoạt động đánh giá***

#### *Bước 1: Xác định mục tiêu và các kết quả dự kiến của chính sách*

Bước đầu tiên trong lập kế hoạch đánh giá là xác định các mục tiêu và các kết quả dự kiến của chính sách, qua đây sẽ xác định được các vấn đề cần đánh giá. Đây là cơ sở để so sánh, xác định mức độ đạt được mục tiêu của chính sách.

#### *Bước 2: Xác định khách hàng đánh giá*

Để đảm bảo rằng, đánh giá cung cấp các bằng chứng hữu ích, cần xác định: Ai là người sử dụng các kết quả đánh giá? Mục tiêu đánh giá là gì? Các cân nhắc này cần được tiến hành trước khi bắt đầu tiến hành đánh giá.

Người sử dụng kết quả đánh giá có thể là nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách, nhà phân tích của các bộ ngành hay cơ quan chính phủ, nhà lãnh đạo địa phương, cơ quan thực thi hay các bên liên quan như các tổ chức công nghiệp, xã hội, nhóm cộng đồng địa phương và các bên có lợi ích liên quan,...

#### *Bước 3: Xác định mục tiêu đánh giá và các câu hỏi đánh giá*

Bước thứ ba trong giai đoạn lập kế hoạch đánh giá là xác định các mục tiêu đánh giá và các câu hỏi đánh giá. Các câu hỏi đánh giá cần phù hợp với mục tiêu đánh giá cho từng chính sách cụ thể, cần cân nhắc hiện trạng thông tin có thể thu thập được.

Đánh giá tác động nên tập trung vào một số lượng nhỏ (5-7) các câu hỏi đánh giá chủ chốt liên quan đến mục tiêu đánh giá. Câu hỏi mở có thể được hỏi trong cuộc phỏng vấn hoặc bằng bảng hỏi. Các vấn đề được xem xét khi triển khai các câu hỏi đánh giá:

- Mức độ đạt được mục tiêu của chính sách?
- Các tác động tích cực/tiêu cực, trong dự kiến/ngoài dự kiến đối với nhóm đối tượng chính sách là gì?
- Thái độ, quan điểm của nhóm đối tượng về chính sách?
- Làm thế nào để đo lường các tác động của chính sách? Định tính hay định lượng?
- Bằng chứng sẵn có về tác động của chính sách? Nếu chưa có, làm thế nào bổ sung?
- Làm thế nào để đánh giá chi phí và lợi ích của chính sách? Đóng góp gì vào sự phát triển kinh tế - xã hội?
- ...

#### *Bước 4: Lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá*

Đánh giá thành công phụ thuộc vào thông tin tốt bởi vì thông tin có thể giúp trả lời các câu hỏi đánh giá đã được đề ra. Phương pháp đánh giá là cách thức mà các yêu cầu thông tin được xác định và các dữ liệu liên quan được thu thập, quản lý và diễn giải. Dữ liệu có thể là định tính, định lượng hoặc kết hợp cả hai.

Tác động của chính sách là sự thay đổi của kết quả trước và sau khi chính sách được ban hành. Khó khăn trong đánh giá tác động là phải biết được kịch bản xảy ra khi chưa có chính sách. Đây được gọi là giả thiết ngược. Đánh giá tác động sẽ dễ dàng nếu giả thiết ngược tồn tại. Tuy nhiên, giả thiết ngược được cho rằng không tồn tại trong thực tế, dẫn đến việc phải xây dựng nhóm đối chứng (bao gồm cá nhân/tổ chức là đối tượng/không phải đối tượng của chính sách) để so sánh với nhóm tham gia (bao gồm cá nhân/tổ chức là đối tượng của chính sách). Tất cả các phương pháp đều sử dụng giả định để xây dựng nhóm đối chứng dùng để so sánh với nhóm tham gia. Sử dụng một số phương pháp để xác định nhóm đối chứng, đó là:

- (1) Phương pháp so sánh trước - sau;
- (2) Phương pháp khác biệt kép;
- (3) Phương pháp so sánh điểu xu hướng.

Về các công cụ đánh giá có thể xem xét, lựa chọn để sử dụng kết hợp các công cụ với nhau như: sử dụng chuyên gia; phân tích ngoại suy; phương pháp điều tra, khảo sát; tham vấn các bên liên quan,... Đánh giá hiệu quả kinh tế được sử dụng khi phân tích chi phí - lợi ích và phân tích chi phí - hiệu quả của chính sách sau khi ban hành.

Phương pháp mô phỏng, xác suất thống kê đã được sử dụng trong các phương pháp xác định nhóm đối chứng kể trên.

#### *Bước 5: Lựa chọn tiêu chí, chỉ số đánh giá*

Sử dụng các tiêu chí, chỉ số định lượng và định tính để đo lường tác động của chính sách KH&CN sau khi ban hành, đó là sự thay đổi của các yếu tố trước và sau khi có chính sách. Các chỉ số được lựa chọn phải có tính khả thi cao về mức độ sẵn có của số liệu.

Đánh giá tác động thực chất là đánh giá hiệu quả, đó là mức độ đạt được các mục tiêu đã đề ra và những ảnh hưởng (tích cực/tiêu cực) đối với các bên liên quan. Như vậy, tiêu chí/chỉ số đánh giá tác động chính sách KH&CN sẽ liên quan đến mức độ đạt được các mục tiêu được đề ra và những ảnh hưởng của chính sách đến các hoạt động KH&CN, đến nhận thức của tổ chức/cá nhân là đối tượng của chính sách. Việc ứng dụng kết

qua nghiên cứu KH&CN sẽ ảnh hưởng đến các ngành nghề cũng như ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, thái độ/quan điểm của tổ chức/cá nhân đối với chính sách cũng là yếu tố cần được xem xét, vì qua đây biết được mức độ ủng hộ/phản đối cũng như tính hợp lý của chính sách. Nhóm nghiên cứu đề xuất tiêu chí đánh giá tác động chính sách KH&CN sẽ bao gồm 6 tiêu chí liên quan đến các khía cạnh trên, cụ thể:

- *Tác động đối với nghiên cứu* như: ảnh hưởng đến kinh phí cho hoạt động nghiên cứu, số lượng/chất lượng công bố khoa học, đào tạo nghiên cứu viên, hợp tác nghiên cứu trong nước và quốc tế, giữa trường đại học/viện nghiên cứu với doanh nghiệp, trang thiết bị phục vụ cho công tác nghiên cứu,...
- *Tác động đối với công nghệ* như: ảnh hưởng đến hoạt động tạo ra công nghệ/quy trình/dịch vụ/sản phẩm mới có tính cạnh tranh; sở hữu trí tuệ; chuyên gia công nghệ; hợp tác trong nước và quốc tế về công nghệ/công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ có đủ trình độ hấp thu/cải tiến công nghệ; cơ sở hạ tầng phục vụ cho ươm tạo và chuyển giao công nghệ,...
- *Tác động đến thái độ, quan điểm của người tham gia hoạt động KH&CN* như: cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, cơ chế đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, thái độ đối với dịch vụ KH&CN được sử dụng và niềm tin đối với hệ thống bảo hộ SHTT.
- *Tác động đến nhận thức của người tham gia hoạt động KH&CN* như: làm thay đổi quan điểm của cán bộ KH&CN về xác định nhiệm vụ KH&CN (xuất phát từ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, lấy doanh nghiệp làm trung tâm); mối liên kết giữa trường đại học/viện nghiên cứu và doanh nghiệp; công bố, hợp tác quốc tế về KH&CN; nhận thức về chuyển giao/thương mại hóa kết quả nghiên cứu, nhận thức của doanh nghiệp về đầu tư/ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN/ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh; đổi mới/tao ra sản phẩm/quy trình có tính cạnh tranh; chiến lược KH&CN của tổ chức;... tác động đến các chính sách KH&CN khác,...
- *Tác động đến kinh tế - xã hội* như: nâng cao chất lượng hàng hóa/dịch vụ, ảnh hưởng đến lợi ích người tiêu dùng, đóng góp vào tổng kim ngạch xuất/nhập khẩu của sản phẩm công nghệ cao, tỷ lệ (%) đóng góp của KH&CN vào TFP, tác động đến thị trường việc làm, giảm chi phí do tăng hiệu quả/hiệu suất công việc,...
- *Tác động đến các lĩnh vực khác* như: y tế, môi trường, nông nghiệp... thông qua ứng dụng các kết quả KH&CN.

### *Bước 6: Lập kế hoạch chi tiết*

Cơ quan đánh giá cần lập kế hoạch chi tiết cho hoạt động đánh giá, bao gồm: mục tiêu/phạm vi đánh giá; nội dung các nhiệm vụ cần triển khai thực hiện; tiêu chí, chỉ số đánh giá; phương pháp đánh giá; thời điểm tiến hành đánh giá, yêu cầu về thời gian; tiến độ triển khai thực hiện và phân bổ kinh phí; yêu cầu về định dạng báo cáo; sử dụng các kết quả.

Sau khi xây dựng dự thảo kế hoạch, đơn vị đánh giá cần tổ chức tham vấn các bên liên quan, các chuyên gia để có thể thu thập các ý kiến góp ý về phương pháp, công cụ, tiêu chí/chỉ số đánh giá cũng như kế hoạch đánh giá. Việc tham vấn cũng sẽ tạo ra sự đồng thuận giữa các bên liên quan, thúc đẩy hoạt động đánh giá được thành công.

### ***Giai đoạn 2: Thực hiện hoạt động đánh giá***

#### *Bước 7: Thu thập số liệu/thông tin về tác động của chính sách*

Việc thu thập số liệu/thông tin có thể thực hiện theo hai cách: thông qua bảng hỏi/phiếu điều tra hoặc thông qua phỏng vấn sâu. Trong trường hợp thu thập thông tin qua bảng hỏi, cần lưu ý và cân nhắc kỹ lưỡng các câu hỏi đặt ra, theo hướng bảo đảm tính khách quan, không áp đặt, gợi ý mà phải để cho người được phỏng vấn tự đưa ra đánh giá của mình. Về phương diện này, người đánh giá nên tham vấn ý kiến của các chuyên gia có kinh nghiệm trong hoạt động điều tra xã hội học, nhằm có thể đạt được một bảng hỏi tốt nhất cho việc thu thập số liệu. Người đánh giá cần tạo được sự ủng hộ, tham gia của các bên liên quan trong quá trình thu thập số liệu, quá trình tham vấn.

#### *Bước 8: Phân tích/đánh giá tác động*

Người đánh giá cần sàng lọc dữ liệu và thông tin đã thu thập được. Trong một số trường hợp cần phải thực hiện tham vấn bổ sung, thu thập thêm thông tin, hoặc khẳng định lại với bên cung cấp thông tin về những số liệu/thông tin còn chưa chắc chắn.

Dựa trên các số liệu/thông tin, người đánh giá đưa ra các nhận định về mức độ đạt được mục tiêu của chính sách, các tác động tích cực/tiêu cực, mong muốn/không mong muốn của chính sách đối với khoa học, công nghệ, kinh tế - xã hội, các lĩnh vực khác, thái độ, nhận thức của cộng đồng khoa học là đối tượng của chính sách KH&CN,... Ngoài việc thu thập bằng chứng cho thấy tác động đã xảy ra, một tính năng quan trọng nữa của đánh giá tác động là hiểu được vai trò của việc can thiệp tạo ra tác động.

***Bước 9: Đưa ra các đề xuất, kiến nghị hoàn thiện chính sách (nếu có)***

Trước hết, người đánh giá cần xác định được các nguyên nhân gây ra các tác động, gồm hai loại: (i) do những bất cập của bản thân chính sách; (ii) do quá trình tổ chức thực hiện chính sách. Sau đó, từ các nhận định/đánh giá về các tác động tích cực/tiêu cực và các nguyên nhân, người đánh giá cần đưa ra các khuyến nghị, đề xuất. Các đề xuất kiến nghị có thể bao gồm hai nhóm: (i) Kiến nghị về việc bổ sung, điều chỉnh chính sách, cụ thể là bổ sung những “lỗ hổng” hoặc chỉnh sửa những chông chéo/bất cập đã được phát hiện; (ii) Kiến nghị đối với việc tổ chức thực hiện chính sách, giảm thiểu những tác động tiêu cực của việc thực hiện.

***Bước 10: Tham vấn các bên liên quan về kết quả đánh giá***

Sau khi hoàn thành việc đánh giá, cần phải xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá và lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan. Việc lấy ý kiến có thể thực hiện thông qua hình thức tổ chức các hội thảo tham vấn rộng rãi với các bên liên quan, gồm các cơ quan quản lý ở trung ương và địa phương, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, các chuyên gia, cộng đồng... Đối với các chuyên gia có thể xin ý kiến phản biện. Đối với cộng đồng có thể dùng hình thức công bố dự thảo báo cáo rộng rãi trên trang thông tin điện tử để lấy ý kiến.

***Giai đoạn 3: Báo cáo, sử dụng kết quả đánh giá******Bước 11: Công bố và sử dụng kết quả đánh giá***

Sau khi tham vấn các bên liên quan, người đánh giá cần chỉnh sửa/hoàn thiện báo cáo đánh giá và công bố, chia sẻ, thông tin đến các nhà hoạch định chính sách để có những sửa đổi, bổ sung đối với chính sách. Đồng thời, kết quả đánh giá cũng nên được chia sẻ rộng rãi với các bên liên quan, các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học... để nâng cao nhận thức, hiểu biết về các tác động trong quá trình thực hiện chính sách. Các kết quả đánh giá có thể được tổng hợp ngắn gọn, dễ hiểu, dưới dạng các khuyến nghị/thảo luận chính sách để cung cấp cho các nhà quản lý/các cấp ra quyết định.

***3.2. Phương pháp, công cụ sử dụng trong đánh giá tác động******a. Các phương pháp******(1) Phương pháp so sánh trước - sau***

Phương pháp so sánh sự khác biệt về các kết quả ở đối tượng chính sách trước và sau khi có sự can thiệp của chính sách. Đại diện đối chứng chính là nhóm tham gia trước khi có can thiệp chính sách. Số liệu điều tra ban đầu



trước khi chính sách được thực hiện là cần thiết. Giả định chính sách là yếu tố duy nhất ảnh hưởng đến sự thay đổi của kết quả.

### (2) Phương pháp khác biệt kép

Là phương pháp thí nghiệm tự nhiên, vận dụng tình huống đặc biệt để tạo tính ngẫu nhiên trong việc phân bổ đối tượng điều tra vào nhóm tham gia và nhóm đối chứng. Đại diện đối chứng là nhóm đối tượng chính sách nhưng không bị chính sách chi phối. Giả định là nếu không có chính sách, cả hai nhóm có cùng xu thế vận động theo thời gian.

Các bước áp dụng: (i) Thu thập dữ liệu ban đầu đối với mỗi nhóm trước khi chính sách có hiệu lực; (ii) Thu thập dữ liệu theo dõi đối với mỗi nhóm sau khi chính sách có hiệu lực; (iii) Tính toán hiệu số trước - sau đối với mỗi nhóm; (iv) Làm phép trừ hiệu số của nhóm tham gia với hiệu số của nhóm được đối chứng.

### (3) Phương pháp so sánh điểm xu hướng

Là phương pháp xây dựng nhóm đối chứng thống kê dựa trên mô hình xác suất tham gia can thiệp bằng các dữ liệu thống kê có được. Đối tượng tham gia được so sánh dựa trên xác suất này, hay được gọi là điểm xu hướng, với đối tượng không tham gia. Hiệu quả can thiệp bình quân của chính sách sau đó được tính toán bằng sai biệt trung vị trong kết quả giữa hai nhóm.

Các bước áp dụng phương pháp so sánh điểm xu hướng:

*Bước 1:* Thu thập thông tin đặc điểm về đối tượng tham gia chính sách và những người không tham gia chính sách (nhóm đối chứng).

*Bước 2:* Ước lượng hàm số tham gia chính sách bằng cách sử dụng phương pháp hồi quy cho mô hình probit<sup>3</sup>. Giá trị dự báo của việc tham gia có thể ước lượng từ hàm số này. Mỗi đối tượng tham gia và không tham gia sẽ có một xác suất dự báo (điểm xu hướng) riêng.

*Bước 3:* Xác định vùng hỗ trợ chung và kiểm định thuộc tính cân bằng.

*Bước 4:* Dựa trên điểm xu hướng, nối một đối tượng thuộc nhóm tham gia với một hoặc một số đối tượng trong nhóm không tham gia mà có xác suất ước lượng gần giống nhau nhất, rồi so sánh sự khác biệt trong kết cục của hai nhóm này. Sử dụng các kỹ thuật như: So sánh cận gần nhất, phạm vi hay bán kính,... để so sánh đối chiếu hai nhóm đối tượng. Tính ra chênh lệch, đây chính là tác động của chính sách với từng đối tượng tham gia.

- *So sánh cận gần nhất:* Mỗi đối tượng tham gia sẽ được so sánh với các đối tượng không tham gia dựa trên điểm xu hướng gần tương đồng nhất;

<sup>3</sup> Mô hình probit là mô hình hồi quy có biến phụ thuộc là biến nhị phân.

- *Phạm vi hay bán kính*: Kỹ thuật này tạo ra một phạm vi khoảng cách điểm xu hướng tối đa, được gọi là phạm vi hay bán kính. Do đó, kỹ thuật này được tiến hành bằng cách có thay thế, giữa các điểm xu hướng trong cùng phạm vi/bán kính.

*Bước 5*: Tính toán giá trị trung bình của tất cả giá trị chênh lệch của từng đối tượng tham gia để tìm ra giá trị trung bình tổng thể, đây chính là tác động của chính sách với tất cả các đối tượng tham gia.

*Bước 6*: Kết quả gặp vấn đề đó chính là sai số chuẩn bị ước lượng thiếu chính xác. Để khắc phục vấn đề này, áp dụng ước lượng sai số chuẩn bằng bất kích hoạt.

#### *(4) Đánh giá hiệu quả kinh tế*

Đánh giá hiệu quả kinh tế nhằm xem xét chi phí có nhiều hơn so với những lợi ích mà chính sách đem lại hay không. Các loại đánh giá hiệu quả kinh tế bao gồm:

- Phân tích Chi phí - Hiệu quả (CEA), là loại phân tích định giá các chi phí của việc thực thi chính sách và so sánh giữa tổng chi phí đó với tổng số các kết quả đạt được để ước tính “chi phí cho mỗi kết quả”;
- Phân tích Chi phí - Lợi ích (CBA), là loại đánh giá sâu hơn so với CEA trong việc đánh giá giá trị tiền tệ đối với các thay đổi trong kết quả (ví dụ, đánh giá giá trị của việc tăng thêm số lượng người có việc làm). Điều này có nghĩa là CBA có thể kiểm tra các minh chứng tổng thể về một chính sách (“Liệu lợi ích có lớn hơn các chi phí bỏ ra?”) cũng như so sánh các chính sách liên quan tới các lợi ích kết quả khác nhau. CBA xác định số lượng các chi phí và lợi ích mà một chính sách có thể có và khả thi, bao gồm cả các tác động tới môi trường và xã hội rộng hơn.

Đánh giá hiệu quả kinh tế rất phức tạp và cần được lên kế hoạch kỹ lưỡng với đầu vào từ nhà kinh tế, luật kinh tế, hoặc chuyên gia nghiên cứu chính sách định lượng trong giai đoạn lập kế hoạch đánh giá.

#### ***b. Các công cụ sử dụng***

Về các công cụ đánh giá, có thể sử dụng kết hợp các công cụ như: sử dụng chuyên gia; điều tra, khảo sát; tham vấn các bên liên quan,...

### **4. Kết luận**

Đánh giá tác động chính sách KH&CN sau khi ban hành cần xác định rõ ràng mục tiêu đánh giá và tuân thủ theo quy trình đã được đề ra. Phương pháp và công cụ đánh giá cần được cân nhắc để thu thập được thông tin hữu ích, làm cơ sở để có kết quả đánh giá có chất lượng. Việc tham vấn các bên

liên quan trong quá trình đánh giá là cần thiết để thu được ý kiến phản biện kịp thời. Kết quả đánh giá cần được phổ biến đến nhà hoạch định chính sách, cơ quan chức năng phù hợp để chính sách có thể được bổ sung, chỉnh sửa hay bãi bỏ. Khung đánh giá tác động chính sách KH&CN sau khi ban hành được đưa ra trong bài viết này là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ năm 2015 do tác giả làm chủ nhiệm./.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **Tiếng Việt:**

1. Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/3/2009 Quy định chi tiết về Biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03/6/2008.
2. Vũ Cao Đàm. (2011) *Giáo trình khoa học chính sách*. Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **Tiếng Anh:**

3. The World Bank. *Handbook on impact evaluation. quantitative methods and practices*.
4. European Commission. (2009) *Impact assessment guidelines*.
5. HM Treasury. (2011) *The Magenta book - guidance for evaluation*.
6. Patricia J. Rogers. (2012) *Introduction to impact evaluation*. RMIT University (Australia) and Better Evaluation.